

Số /BC-UBND

Hải Dương, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hải Dương**

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Thực trạng về lao động, việc làm, lao động trong doanh nghiệp

Dân số tỉnh Hải Dương năm 2023 là 2.119.470 người. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (*dân số hoạt động kinh tế hiện tại*) khoảng 1.036.420 người. Lực lượng lao động có việc làm khoảng 1.021.910 người theo cơ cấu lao động như sau: công nghiệp xây dựng 534.459 người, tỷ lệ 52,3%; dịch vụ 320.879 người, tỷ lệ 31,4% và nông, lâm nghiệp, thủy sản 166.572 người, tỷ lệ 16,3%.

Lực lượng lao động tỉnh ngoài làm việc tại Hải Dương là: 63.420 người (*tính đến hết quý 3/2023*).

Toàn tỉnh hiện có 19.394 doanh nghiệp đăng ký hoạt động kinh doanh. Năm 2023, toàn tỉnh có 8.682 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 375.660 lao động (*gồm 12 doanh nghiệp nhà nước, 8.280 doanh nghiệp ngoài nhà nước và 390 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*). Trong đó:

- Trong khu công nghiệp có 257 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 101.000 lao động. Ngoài khu công nghiệp có 8.425 doanh nghiệp đang hoạt động, sử dụng 274.660 lao động.

- Theo địa giới hành chính: Thành phố Hải Dương: 3.746 doanh nghiệp, sử dụng 129.218 lao động; thành phố Chí Linh: 548 doanh nghiệp, sử dụng 21.208 lao động; huyện Nam Sách: 469 doanh nghiệp, sử dụng 12.572 lao động; thị xã Kinh Môn: 770 doanh nghiệp, sử dụng 26.952 lao động; huyện Kim Thành: 481 doanh nghiệp, sử dụng 23.634 lao động; huyện Thanh Hà: 268 doanh nghiệp, sử dụng 13.031 lao động; huyện Cẩm Giàng: 788 doanh nghiệp, sử dụng 69.477 lao động; huyện Bình Giang: 424 doanh nghiệp, sử dụng 13.148 lao động; huyện Gia Lộc: 261 doanh nghiệp, sử dụng 10.516 lao động; huyện Tứ Kỳ: 453 doanh nghiệp, sử dụng 28.164 lao động; huyện Ninh Giang: 195 doanh nghiệp, sử dụng 9.071 lao động; huyện Thanh Miện: 279 doanh nghiệp, sử dụng 18.669 lao động.

- Cơ cấu lao động trong các doanh nghiệp theo giới tính, tỷ lệ lao động nữ chiếm 57,4% (*215.798 lao động nữ/tổng số 375.660 lao động*); lao động nam chiếm 42,6%.

- Theo trình độ chuyên môn, số người có trình độ đại học và trên đại học năm 2023 là 40.956 người, chiếm 10,9% tổng số lao động; cao đẳng: 21.945 người, chiếm 5,84%; trung cấp: 19.405 người, chiếm 5,17%; sơ cấp: 38.657 người, chiếm 10,29%; lao động phổ thông: 254.697 người, chiếm 67,8%.

- Theo ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 41 doanh nghiệp sử dụng 1.969 lao động.

+ Công nghiệp, xây dựng: 3.667 doanh nghiệp, sử dụng 321.571 lao động, trong đó tập trung nhiều trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (2.471 doanh nghiệp, sử dụng 291.882 lao động-đạt tỷ lệ 28,5% về số doanh nghiệp đang hoạt động và 77,7% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp). Trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo một số ngành sử dụng nhiều lao động, đó là: doanh nghiệp hoạt động về sản xuất trang phục (*dệt may, da giày*): 400 doanh nghiệp, sử dụng 88.758 lao động (*riêng lao động nữ là 73.146, chiếm tỷ lệ 82,4%*); doanh nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử (*71 doanh nghiệp, sử dụng 36.139 lao động*); doanh nghiệp công nghiệp chế biến, chế tạo khác (*74 doanh nghiệp, sử dụng 26.261 lao động*), ...

+ Dịch vụ: 4.974 doanh nghiệp, sử dụng 52.120 lao động, trong đó tập trung các ngành chính như: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy: 3.071 doanh nghiệp, sử dụng 22.901 lao động; vận tải, kho bãi: 654 doanh nghiệp, sử dụng 9.626 lao động, ...

Đánh giá chung: Năm 2024, lực lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp có xu hướng tăng. Tính đến 30/4/2024, tổng số lao động làm việc tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh khoảng 382.500 người (*tăng khoảng 7.000 lao động so với năm 2023*), lao động làm việc trong khu công nghiệp là 105.326 người (*tăng 4.326 lao động*).

Lao động trên địa bàn tỉnh từng bước được nâng cao về chất lượng, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cập chứng chỉ tăng từ 26,5% năm 2020 lên 32,5% năm 2023. Số lượng lao động làm việc trong các ngành dệt may, da giày, điện tử, ... chiếm tỷ lệ cao. Theo đánh giá của các doanh nghiệp: 68,5% người lao động đáp ứng tốt về năng lực chuyên môn; tỷ lệ lao động đáp ứng rất tốt là 8,6%, tỷ lệ lao động đáp ứng ở mức độ trung bình là 22,9%. Thái độ làm việc của người lao động được doanh nghiệp đánh giá ở mức độ tốt là 64,6%, mức độ rất tốt là 16,8%, mức độ trung bình là 18,6%.

Đến nay, tỷ lệ lao động làm việc trong các doanh nghiệp chiếm khoảng 39% lực lượng lao động, như vậy còn một lượng lớn lao động đang làm việc ở khu vực phi chính thức. Mặt khác, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp đa phần trong độ tuổi từ 25 đến 49 (*chiếm 75,7%*), số lao động trên 50 tuổi chỉ chiếm khoảng 10,7% trong khi tổng số người lao động từ 50 tuổi trở lên trong

lực lượng lao động của tỉnh là 228.500 người (*chiếm 24,3%*). Vì vậy, có thể thấy lao động trong doanh nghiệp là lao động trẻ.

1.2. Về giáo dục nghề nghiệp

Tỉnh Hải Dương hiện có 33 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 03 trường trung cấp, 09 trung tâm giáo dục nghề nghiệp; 12 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, 01 doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó:

- Có 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp đang hoạt động giáo dục nghề nghiệp được cấp giấy chứng nhận hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: 08 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN, 01 doanh nghiệp.

- Khối công lập có 22 cơ sở gồm: 07 trường cao đẳng, 01 trường trung cấp, 02 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, 12 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Khối tư thực có 11 cơ sở gồm: 01 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp, 07 trung tâm GDNN và 01 doanh nghiệp.

- Chia theo địa giới hành chính: Thành phố Hải Dương có 12 cơ sở, thành phố Chí Linh có 05 cơ sở, huyện Nam Sách có 03 cơ sở, thị xã Kinh Môn có 01 cơ sở, huyện Kim Thành có 03 cơ sở, huyện Thanh Hà có 01 cơ sở, huyện Cẩm Giàng có 02 cơ sở, huyện Bình Giang có 01 cơ sở, huyện Gia Lộc có 01 cơ sở, huyện Tứ Kỳ 01 cơ sở, huyện Ninh Giang có 01 cơ sở, huyện Thanh Miện có 02 cơ sở. Như vậy, số lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phần lớn tập trung tại thành phố Hải Dương, thành phố Chí Linh và một số huyện gần thành phố Hải Dương.

- Ngành nghề tuyển sinh: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được phép tuyển sinh, đào tạo 42 nghề trình độ cao đẳng, 75 nghề trình độ trung cấp, 102 nghề trình độ sơ cấp. Trong đó, 08 trường cao đẳng, trung cấp công lập được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lựa chọn thực hiện đầu tư các ngành, nghề trọng điểm gồm 12 nghề cấp quốc gia, 09 nghề cấp độ khu vực ASEAN và 07 nghề cấp quốc tế.

- Về quy mô tuyển sinh và đào tạo:

- + Đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng: Hiện tại các trường cao đẳng, trung cấp nghề hoạt động trên địa bàn tỉnh đáp ứng được quy mô tuyển sinh và đào tạo là 3.100 sinh viên hệ cao đẳng/năm và trên 6.300 học sinh hệ trung cấp/năm. Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới giáo dục nghề nghiệp được 114.593 học sinh, sinh viên, trong đó trình độ cao đẳng và trung cấp đạt 15.792 học sinh, sinh viên, tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo như sau: nhóm ngành, nghề khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh: 240 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề kỹ thuật và công nghệ thông tin đạt 6.624 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề sản xuất, chế biến và xây dựng đạt 1.283 học sinh, sinh viên;

nhóm ngành, nghề sức khỏe đạt 1.876; nhóm ngành, nghề dịch vụ, du lịch và môi trường đạt 401 học sinh, sinh viên; nhóm ngành, nghề khác đạt 5.368 học sinh, sinh viên. Năm 2022, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 5.544 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 4.594 người, ngoài tỉnh là 950 người; Năm 2023, các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tuyển sinh được 3.912 học sinh, sinh viên, trình độ cao đẳng, trung cấp. Trong đó, số học sinh, sinh viên là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương là 3.239 người (*chiếm 82,8%*), ngoài tỉnh là 673 người (*chiếm 17,2%*).

+ Đối với đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng:

Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển mới trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng đạt 98.801 học viên, trong đó năm 2022: 33.371 học viên, năm 2023: 34.494 học viên, tập trung một số nhóm ngành, nghề đào tạo lái xe, điện công nghiệp, hàn, vận hành: máy xúc, máy ủi, máy lu, cần trục, cầu trục, thiết bị áp lực,... chủ yếu là người có địa chỉ thường trú tại tỉnh Hải Dương.

- Năm 2022, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh là 19.709 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 28.985 người, trong đó số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.665 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tại các Trung tâm GDNN GDTX học nghề song song với học văn hóa: 6.763 người; Năm 2023, số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh là 21.331 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở là 28.035, trong đó số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ cao đẳng, trung cấp là 2.950 người, số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tại các Trung tâm GDNN GDTX học nghề song song với học văn hóa: 6.146 người.

- Về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 1.633 cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, trong đó, số nhà giáo có trình độ trên đại học là 546 người, trình độ đại học là 676 người, trình độ cao đẳng và trung cấp là 260 người và khác là 151 người. Đội ngũ nhà giáo cơ bản đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đáp ứng được theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu. Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được lựa chọn đầu tư trở thành trường chất lượng cao, được hỗ trợ đầu tư 70 tỷ đồng để cải tạo, xây dựng mới cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo. Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương được hỗ trợ đầu tư 41,2 tỷ đồng để xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất của trường.

- Về nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo: 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã xây dựng chương trình đào tạo chuẩn theo từng cấp trình độ, thường xuyên cập nhật, đổi mới theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn. Một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã mời các doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia xây dựng chương trình đào tạo và đánh giá năng lực người học, ... để phù hợp khi tham gia quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Đánh giá chung: Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; chất lượng đội ngũ nhà giáo được nâng cao đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Ngày 07/6/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 1584/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”, để phấn đấu đạt mục tiêu của đề án, cần phải đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động (*đặc biệt nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, chế biến, chế tạo, các nghề phục vụ cuộc cách mạng 4.0; các ngành, nghề có nhu cầu lao động lớn trong tỉnh*).

Việc ban hành chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương là thực sự cần thiết và quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp nhanh nhất, theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường lao động trong tỉnh hiện nay và những năm tới. Đây cũng là giải pháp thực hiện có hiệu quả Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, góp phần xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Các vấn đề bất cập

- Nhận thức của người dân đối với công tác giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, đa số muốn con em học đại học, không muốn học nghề. Các trường đại học được thành lập nhiều, điểm chuẩn đầu vào đại học thấp nên số lượng các thí sinh có nguyện vọng đi học giáo dục nghề nghiệp tại các trường cao đẳng, trung cấp thấp.

- Chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới chỉ đào tạo theo nguồn “cung” có sẵn, chưa đáp ứng

đào tạo theo kịp “cầu” của thị trường lao động. Vì vậy, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh không tạo được sức hút đối với người học.

- Trang thiết bị phục vụ cho việc giáo dục nghề nghiệp còn thiếu và lạc hậu, nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị cũ, lạc hậu chưa theo kịp sự phát triển công nghệ và thiết bị máy móc mới của các doanh nghiệp, do vậy người học sau khi tốt nghiệp vào làm việc chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp.

- Công tác tuyển sinh ở một số cơ sở GDNN còn nhiều khó khăn, không tuyển đủ quy mô, chỉ tiêu.

- Hiện nay, các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng nhiều lao động chủ yếu là doanh nghiệp thuộc ngành nghề dệt, may, da giày, điện tử. Các doanh nghiệp này phần lớn tuyển lao động phổ thông vào đào tạo một thời gian ngắn rồi ký hợp đồng lao động. Các doanh nghiệp có xu hướng tự thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho lao động hơn là hợp tác với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo nghề, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp chưa đạt hiệu quả theo mục tiêu kế hoạch của tỉnh.

- Chưa có chính sách khuyến khích doanh nghiệp sử dụng lao động đã qua đào tạo; chưa tạo được cơ chế phối hợp chặt chẽ bốn bên trong công tác giáo dục nghề nghiệp giữa nhà nước, nhà trường, doanh nghiệp và người học.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Dùng ngân sách nhà nước tỉnh hỗ trợ một phần học phí học nghề cho học sinh khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 đối với trình độ trung cấp, cao đẳng, từ năm 2025 đến năm 2027 đối với trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng nhằm thu hút học sinh tham gia học nghề, làm tốt công tác phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng, tay nghề cao phục vụ các doanh nghiệp, khu công nghiệp, cũng như nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh trong tình hình mới.

3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Đối tượng hỗ trợ

- Người trong độ tuổi lao động học trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học lên trình độ trung cấp, cao đẳng khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ người học trong độ tuổi lao động học trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với tất cả các ngành nghề khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Hỗ trợ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học trình độ trung cấp, cao đẳng khi doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hải Dương đặt hàng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Người học đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo học nghề chỉ được hưởng hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này; người học đã được hưởng chính sách miễn, giảm, hỗ trợ học phí theo các chính sách khác của Nhà nước ở cùng cấp trình độ đào tạo thì không được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

d) Trường hợp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thu học phí cao hơn hoặc thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết này.

e) Thời gian hỗ trợ học nghề là thời gian thực học của chương trình đào tạo toàn khóa, nhưng không quá 30 tháng đối với đào tạo trình độ cao đẳng và không quá 20 tháng đối với đào tạo trình độ trung cấp; thời gian hỗ trợ học phí đào tạo các nghề đặc thù tối đa không quá 30 tháng; hỗ trợ theo khóa học đối với đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

f) Người học ký cam kết sau khi tốt nghiệp phải làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đã đặt hàng đào tạo tối thiểu 12 tháng.

g) Trường hợp doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh không sử dụng người học sau khi tốt nghiệp nguyên nhân do người học thì không được hỗ trợ đào tạo; nguyên nhân do doanh nghiệp thì doanh nghiệp thực hiện hỗ trợ học phí cho người học theo mức quy định tại Điều 4; người học ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp khác theo đúng ngành nghề đã học thì được hưởng hỗ trợ học phí từ ngân sách nhà nước theo mức quy định tại Điều 4.

h) Trường hợp người học nghề sau khi tốt nghiệp hoặc đang làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh mà không có nhu cầu làm việc tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh thì không được hỗ trợ học phí.

i) Trường hợp số lượng hồ sơ người học đăng ký cao hơn số lượng do doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đặt hàng thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ quy chế tuyển sinh của đơn vị để xét tuyển đủ số lượng theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

k) Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; người học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp ký hợp đồng đặt hàng đào tạo nghề theo quy định.

3.3. Nội dung hỗ trợ

3.3.1. Hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước

a) Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp đối với trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng: Bằng 50% mức hỗ trợ tối đa đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng quy định tại khoản 5, Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng (*sau đây gọi tắt là Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg*) và điểm đ Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng (*sau đây gọi tắt là Thông tư số 152/2016/TT-BTC*); Cụ thể như sau:

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với trình độ cao đẳng, trung cấp: Bằng 50% mức trần học phí đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*) và điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 97/2023/NĐ-CP*). Cụ thể như sau:

Đơn vị: nghìn đồng/người học/tháng

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Khoa học xã hội, nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh	664	680	800
2	Khoa học, pháp luật và toán	706	723	850
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	996	1.020	1.200
4	Sản xuất, chế biến và Xây dựng	954,5	978	1.150
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	685	700	825
6	Sức khỏe	1.162	1.190	1.400
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	830	850	1.000
8	An ninh, quốc phòng	910	935	1.100

3.3.2. Hỗ trợ của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

a) Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu công nghiệp đối với trình độ sơ cấp, đào tạo thường

xuân dưới 03 tháng: Bằng 30% mức hỗ trợ tối đa đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng quy định tại khoản 5, Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg và điểm đ Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

b) Mức hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với trình độ cao đẳng, trung cấp: Bằng 30% mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP cho người học.

3.3.4. Cơ chế thực hiện hỗ trợ học phí học nghề

1. Hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo theo quy định.

Hằng năm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp căn cứ hợp đồng đặt hàng xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Căn cứ dự toán kinh phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, quyết định phần kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước.

Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ thì Sở Tài chính bố trí ngân sách chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

2. Hỗ trợ từ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh

Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh căn cứ mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này thực hiện chi theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đánh giá tác động của giải pháp

4.1. Tác động đối với kinh tế:

- Tích cực:

Chính sách được ban hành tạo góp phần giảm bớt gánh nặng học phí học cho học sinh và gia đình; sẽ thu hút và tạo điều kiện cho học sinh tham gia học nghề, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động và phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giúp cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

- Tiêu cực:

Việc ban hành các chính sách sẽ làm tăng ngân sách tỉnh chi cho việc hỗ trợ cho các đối tượng tham gia học nghề ở các cấp trình độ.

4.2. Tác động đối với xã hội:

- Tích cực:

Chính sách tạo cơ hội cho học sinh được học nghề, lập nghiệp, có việc làm bền vững. Góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề và tăng năng lực cạnh tranh trong tình hình mới.

Giúp cho các cơ sở GDNN hoạt động trên địa bàn tỉnh giảm bớt khó khăn trong công tác tuyển sinh, chủ động thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm để thu hút người học.

Khuyến khích được học sinh của tỉnh tham gia học nghề gắn với giải quyết việc làm trong thời gian học và khi kết thúc khóa học, phù hợp với việc thu hút đầu tư của tỉnh Hải Dương.

Gắn trách nhiệm, vai trò của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đối với người học nghề trong suốt quá trình đào tạo.

Đẩy mạnh gắn kết chặt chẽ, có sự ràng buộc (*ký hợp đồng đặt hàng đào tạo, ký hợp đồng cam kết*) giữa Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người học.

- Tiêu cực: Chính sách khi ban hành có thể làm tăng khối lượng công việc đối với các bộ phận thực hiện nhiệm vụ liên quan, nhưng không làm thay đổi, không có tác động tới bộ máy quản lý Nhà nước.

4.3. Tác động đến hệ thống pháp luật hiện hành

- *Phù hợp với hệ thống pháp luật*: Chính sách được ban hành theo đúng quy định, trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giáo dục nghề nghiệp. Chính sách được ban hành sẽ tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- *Tương thích với các Điều ước quốc tế*: Nội dung chính sách không có tác động tới các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đang tham gia.

4.4. Tác động đến nguồn lực đảm bảo thi hành

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách tỉnh và xã hội hóa: Nghị quyết khi ban hành ít có khả năng gây áp lực lên ngân sách địa phương do Hải Dương là tỉnh tự chủ về ngân sách nên có đủ các điều kiện về kinh tế và xã hội để đảm bảo việc thi hành chính sách này.

4.5. *Tác động về bình đẳng giới*: Chính sách được thực hiện sẽ không có ảnh hưởng khác biệt giữa nam và nữ để tạo ra hay duy trì bất bình đẳng giới.

4.6. *Tác động về thủ tục hành chính*: Chính sách khi ban hành không phát sinh thủ tục hành chính mới.

5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Qua phân tích, đánh giá tác động của chính sách cho thấy, giải pháp lựa chọn hỗ trợ học phí cho học sinh được học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh nêu trên là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

III. Giám sát và đánh giá

1. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ theo chính sách; Hằng năm, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách Hỗ trợ đào tạo nghề theo đặt hàng của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**